

Số: 67 /QĐ-UBND

Cam Lộ, ngày 17 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng Nhân dân huyện kỳ họp thứ 9 khóa VI về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023; Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng Nhân dân huyện kỳ họp thứ 9 khóa VI về phân bổ ngân sách địa phương năm 2023; Nghị quyết số 121/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng Nhân dân huyện kỳ họp thứ 9 khóa VI về kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB từ nguồn vốn ngân sách do huyện quản lý năm 2023;

Căn cứ Quyết định 2929/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Cam Lộ V/v Giao dự toán thu, chi ngân sách và các chỉ tiêu XDCB năm 2023 cho các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của huyện Cam Lộ (Theo phụ lục chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận :

- Như Điều 2;
- Sở Tài chính (B/c);
- TT Huyện uỷ; TT HĐND huyện (B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBND các xã, TT;
- Lưu: VT. *vs*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Anh Tuấn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **67** /QĐ-UBND, ngày **17** /01/2023 UBND huyện Cam Lộ)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023
A	B	1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	419.900.000
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	209.400.000
-	Thu NSDP hưởng 100%	5.470.000
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	203.930.000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	207.300.000
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	190.979.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	16.321.000
IV	Thu từ nguồn thu để lại QL qua NS	200.000
V	Thu tăng thu, tiết kiệm chi đưa vào cân đối ngân sách	3.000.000
B	TỔNG CHI NSDP	419.900.000
I	Tổng chi cân đối NSDP	403.379.000
1	Chi đầu tư phát triển	154.858.000
2	Chi thường xuyên	242.679.000
3	Dự phòng ngân sách	5.842.000
II	Chi nguồn thu huy động để lại QL qua NS	200.000
III	Chi các mục tiêu nhiệm vụ	16.321.000
1	Sự nghiệp kinh tế:	11.200.000
1.1	KP chỉnh trang đô thị kiến thiết thị chính xây dựng nông thôn mới	3.000.000
1.2	KP đầu tư xây dựng đường vào vùng dực liệu thôn Nam Hiếu xã Cam Hiếu và thôn Định Sơn xã Cam Nghĩa.	2.000.000
1.3	KP đầu tư xây dựng đường thôn An Trung xã Cam Chính và đường thôn Định Xá xã Cam Hiếu.	4.000.000
1.4	KP phục vụ công tác quy hoạch	2.000.000
1.5	KP mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị	200.000
2	Chi Quản lý Hành chính: QLNN, Đảng, UBMT và các đoàn thể:	5.121.000
2.1	Chê độ chính sách đối với công an viên thôn theo Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh:	1.188.000
	- UBND xã Thanh An	238.340
	- UBND xã Cam Thủy	145.722
	- UBND xã Cam Hiếu	160.920

	- UBND xã Cam Tuyền	147.510
	- UBND xã Cam Thành	183.985
	- UBND xã Cam Chính	138.212
	- UBND xã Cam Nghĩa	173.311
2.2	Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo Nghị quyết 73/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh (70% ngân sách tỉnh đảm bảo)	764.000
	- UBND xã Thanh An	105.105
	- UBND xã Cam Thủy	95.555
	- UBND xã Cam Hiếu	66.885
	- UBND xã Cam Tuyền	95.550
	- UBND xã Cam Thành	114.660
	- UBND xã Cam Chính	85.995
	- UBND xã Cam Nghĩa	114.660
	- UBND thị trấn Cam Lộ	85.590
2.3	Hỗ trợ công tác thú y, khuyến nông xã, thị trấn	329.000
	- UBND xã Thanh An	41.125
	- UBND xã Cam Thủy	41.125
	- UBND xã Cam Hiếu	41.125
	- UBND xã Cam Tuyền	41.125
	- UBND xã Cam Thành	41.125
	- UBND xã Cam Chính	41.125
	- UBND xã Cam Nghĩa	41.125
	- UBND thị trấn Cam Lộ	41.125
2.4	Hỗ trợ tăng thêm KP hoạt động đối với các tổ chức chính trị-xã hội ở xã, thị trấn (3 triệu đồng/tổ chức)	120.000
	- UBND xã Thanh An	15.000
	- UBND xã Cam Thủy	15.000
	- UBND xã Cam Hiếu	15.000
	- UBND xã Cam Tuyền	15.000
	- UBND xã Cam Thành	15.000
	- UBND xã Cam Chính	15.000
	- UBND xã Cam Nghĩa	15.000
	- UBND thị trấn Cam Lộ	15.000
2.5	Tiếp xúc cử tri của HĐND huyện tại các xã, thị trấn: 2 triệu đồng/xã, thị trấn	16.000
2.6	Hoà giải cơ sở:	80.000
	- UBND xã Thanh An	11.000
	- UBND xã Cam Thủy	10.000
	- UBND xã Cam Hiếu	7.000
	- UBND xã Cam Tuyền	10.000
	- UBND xã Cam Thành	12.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **67** /QĐ-UBND, ngày **17**/01/2023 UBND huyện Cam Lộ)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022
A	B	1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	409.329.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	198.829.000
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	207.300.000
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	190.979.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu	16.321.000
3	Thu từ nguồn thu để lại QL qua ngân sách	200.000
4	Thu tăng thu, tiết kiệm chi đưa vào cân đối ngân sách	3.000.000
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	409.329.900
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	364.686.000
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	28.122.900
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	28.122.900
-	Chi bổ sung có mục tiêu	0
3	Chi trợ cấp có mục tiêu	16.321.000
4	Chi từ nguồn thu để lại QL qua ngân sách	200.000
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP (1)	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	38.693.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	10.570.100
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	28.122.900
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	28.122.900
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
5	Thu các khoản huy động đóng góp	
II	Chi ngân sách	38.693.000
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	38.693.000
2	Thu các khoản huy động đóng góp	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023(Kèm theo Quyết định số: **67** /QĐ-UBND, ngày **17** tháng **01** năm 2023 của UBND huyện Cam Lộ)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện, xã
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	430.500.000	419.900.000
I	Thu nội địa	220.000.000	209.400.000
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	26.000.000	26.000.000
	- Thuế giá trị gia tăng	24.677.000	24.677.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.000	13.000
	- Thuế tài nguyên	1.090.000	1.090.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	220.000	220.000
	- Thu khác về thuế		
5	Thuế thu nhập cá nhân	11.500.000	11.500.000
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	20.080.000	20.080.000
8	Thu phí, lệ phí	2.300.000	1.700.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50.000	50.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.220.000	2.220.000
12	Thu tiền sử dụng đất	154.000.000	146.300.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	3.500.000	1.200.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	350.000	350.000
II	Các khoản thu huy động đóng góp	200.000	200.000
III	Thu từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi	3.000.000	3.000.000
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	207.300.000	207.300.000
1	Thu bổ sung cân đối	190.979.000	190.979.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	16.321.000	16.321.000

4/5

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **67** /QĐ-UBND ngày **17** /01/2023 UBND huyện Cam Lộ)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023	Trong đó	
			Tổng số	NS huyện
A/	Tổng chi NSNN địa phương	419.900.000,0	381.207.000,0	38.693.000,0
A1	Tổng chi trợ cấp cân đối	403.379.000,0	364.686.000,0	38.693.000,0
I	Chi ĐT phát triển	154.858.000	154.858.000	-
	- Chi XDCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	8.558.000	8.558.000	
	- TW hỗ trợ có địa chỉ	-		
	- Chi đầu tư từ nguồn đầu giá đất	146.300.000	146.300.000	
	Trong đó trả nợ vay theo NQ 02			
II	Chi thường xuyên	242.679.000	204.760.000	37.919.000
1	Chi SN Kinh tế	5.143.000	4.853.000	290.000
2	Chi SN Môi trường	3.660.000	3.500.000	160.000
3	Chi SN Văn hoá - Thông tin	1.710.000	1.171.000	539.000
4	Chi SN Truyền thanh	656.000	576.000	80.000
5	Chi SN Thể dục - Thể thao	493.000	383.000	110.000
6	Chi SN Giáo dục- ĐT& Dạy nghề	140.167.000	139.767.000	400.000
	- SN Giáo dục	139.120.000	138.720.000	400.000
	- SN Đào tạo và Dạy nghề	1.047.000	1.047.000	
7	Chi SN Y tế - Dân số KHHGD	1.750.000	1.750.000	
8	Chi Đảm bảo xã hội	25.420.000	24.275.000	1.145.000
9	Chi Quản lý hành chính	56.621.000	25.196.000	31.425.000
10	Chi Quốc phòng - An ninh:	4.672.000	1.091.000	3.581.000,0
10.1	Quốc phòng địa phương	3.868.000	770.000	3.098.000,0
10.2	An ninh địa phương	804.000	321.000	483.000,0
11	Chi khác ngân sách	2.387.000	2.198.000	189.000
III	Dự phòng	5.842.000	5.068.000	774.000
AII	Các khoản chi bằng nguồn thu huy động đóng góp QL qua ngân sách	200.000	200.000	
AIII	Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	16.321.000	16.321.000	
1	Sự nghiệp kinh tế:	11.200.000	11.200.000	
1.1	KP chỉnh trang đô thị kiên thiết thị chính xây dựng nông thôn mới	3.000.000	3.000.000	
1.2	KP đầu tư xây dựng đường vào vùng được liệu thôn Nam Hiếu xã Cam Hiếu và thôn Định Sơn xã Cam Nghĩa.	2.000.000	2.000.000	

1.3	KP đầu tư xây dựng đường thôn An Trung xã Cam Chính và đường thôn Định Xá xã Cam Hiếu.	4.000.000	4.000.000	
1.4	KP phục vụ công tác quy hoạch	2.000.000	2.000.000	
1.5	KP mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị	200.000	200.000	
2	Chi Quản lý Hành chính: QLNN, Đảng, UBMT và các đoàn thể:	5.121.000	5.121.000	
2.1	Chế độ chính sách đối với công an viên thôn theo Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh:	1.188.000	1.188.000	
	- UBND xã Thanh An	238.340	238.340	
	- UBND xã Cam Thủy	145.722	145.722	
	- UBND xã Cam Hiếu	160.920	160.920	
	- UBND xã Cam Tuyền	147.510	147.510	
	- UBND xã Cam Thành	183.985	183.985	
	- UBND xã Cam Chính	138.212	138.212	
	- UBND xã Cam Nghĩa	173.311	173.311	
2.2	Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo Nghị quyết 73/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh (70% ngân sách tỉnh đảm bảo)	764.000	764.000	
	- UBND xã Thanh An	105.105	105.105	
	- UBND xã Cam Thủy	95.555	95.555	
	- UBND xã Cam Hiếu	66.885	66.885	
	- UBND xã Cam Tuyền	95.550	95.550	
	- UBND xã Cam Thành	114.660	114.660	
	- UBND xã Cam Chính	85.995	85.995	
	- UBND xã Cam Nghĩa	114.660	114.660	
	- UBND thị trấn Cam Lộ	85.590	85.590	
2.3	Hỗ trợ công tác thú y, khuyến nông xã, thị trấn	329.000	329.000	
	- UBND xã Thanh An	41.125	41.125	
	- UBND xã Cam Thủy	41.125	41.125	
	- UBND xã Cam Hiếu	41.125	41.125	
	- UBND xã Cam Tuyền	41.125	41.125	
	- UBND xã Cam Thành	41.125	41.125	
	- UBND xã Cam Chính	41.125	41.125	
	- UBND xã Cam Nghĩa	41.125	41.125	
	- UBND thị trấn Cam Lộ	41.125	41.125	
2.4	Hỗ trợ tăng thêm KP hoạt động đối với các tổ chức chính trị-xã hội ở xã, thị trấn (3 triệu đồng/tổ chức)	120.000	120.000	
	- UBND xã Thanh An	15.000	15.000	
	- UBND xã Cam Thủy	15.000	15.000	
	- UBND xã Cam Hiếu	15.000	15.000	
	- UBND xã Cam Tuyền	15.000	15.000	

	- UBND xã Cam Thành	15.000	15.000	
	- UBND xã Cam Chính	15.000	15.000	
	- UBND xã Cam Nghĩa	15.000	15.000	
	- UBND thị trấn Cam Lộ	15.000	15.000	
2.5	Tiếp xúc cử tri của HĐND huyện tại các xã, thị trấn: 2 triệu đồng/xã, thị trấn	16.000	16.000	
2.6	Hoà giải cơ sở:	80.000	80.000	
	- UBND xã Thanh An	11.000	11.000	
	- UBND xã Cam Thủy	10.000	10.000	
	- UBND xã Cam Hiếu	7.000	7.000	
	- UBND xã Cam Tuyên	10.000	10.000	
	- UBND xã Cam Thành	12.000	12.000	
	- UBND xã Cam Chính	9.000	9.000	
	- UBND xã Cam Nghĩa	12.000	12.000	
	- UBND thị trấn Cam Lộ	9.000	9.000	
2.7	Hỗ trợ cài đặt phần mềm thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách.	860.000	860.000	
2.8	Hỗ trợ cài đặt phần mềm quản lý và tra soát hóa đơn đầu vào - chứng từ tự dịch vụ công.	260.000	260.000	
2.9	KP phục vụ tại Đền thờ Vua Hàm Nghi và các tướng sỹ Cần Vương, nhà tưởng niệm Nhà thơ Chế Lan Viên	400.000	400.000	
	- KP phục vụ tại Đền thờ Vua Hàm Nghi và các tướng sỹ Cần Vương	60.000	60.000	
	- KP phục vụ tại nhà tưởng niệm Nhà thơ Chế Lan Viên	20.000	20.000	
	- KP đón tiếp các đoàn khách đến thăm viếng nhà thờ và quản lý điều hành khác...	320.000	320.000	
2.10	UBND thị trấn Cam Lộ: Phụ cấp bảo vệ dân phố (30% KP cấp huyện)	94.000	94.000	
2.11	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS	200.000	200.000	
2.12	Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất trong công tác quản lý, điều hành và các nhiệm vụ XD NTM khác...	810.000	810.000	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **67** /QĐ-UBND, ngày **17** /01/2023 UBND huyện Cam Lộ)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán chi địa phương năm 2023	Ghi chú
	TỔNG CHI NSDP	<u>409.329.900</u>	
A	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	28.122.900	
B	Chi ngân sách cấp huyện theo lĩnh vực	381.207.000	
I	Chi ĐT phát triển	154.858.000	
	- Chi XDCB tập trung phân bổ theo tiêu chí	8.558.000	
	- TW hỗ trợ có địa chỉ		
	- Chi đầu tư từ nguồn đầu giá đất	146.300.000	
	Trong đó trả nợ vay theo NQ 02		
II	Chi thường xuyên	204.760.000	
1	Chi SN Kinh tế	4.853.000	
2	Chi SN Môi trường	3.500.000	
3	Chi SN Văn hoá - Thông tin	1.171.000	
4	Chi SN Truyền thanh	576.000	
5	Chi SN Thể dục - Thể thao	383.000	
6	Chi SN Giáo dục- ĐT& Dạy nghề	139.767.000	
6.1	- SN Giáo dục	138.720.000	
6.2	- SN Đào tạo và Dạy nghề	1.047.000	
7	Chi SN Y tế - Dân số KHHGD	1.750.000	
8	Chi Đảm bảo xã hội	24.275.000	
9	Chi Quản lý hành chính	25.196.000	
10	Chi Quốc phòng - An ninh:	1.091.000	
10.1	<i>Quốc phòng địa phương</i>	<i>770.000</i>	
10.2	<i>An ninh địa phương</i>	<i>321.000</i>	
11	Chi khác ngân sách	2.198.000	
III	Dự phòng	5.068.000	
IV	Các khoản chi bằng nguồn thu huy động QL qua NSNN	200.000	
V	Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	16.321.000	
1	Sự nghiệp kinh tế:	11.200.000	
1.1	mới	3.000.000	

1.2	KP đầu tư xây dựng đường vào vùng dực liệu thôn Nam Hiếu xã Cam Hiếu và thôn Định Sơn xã Cam Nghĩa.	2.000.000	
1.3	KP đầu tư xây dựng đường thôn An Trung xã Cam Chính và đường thôn Định Xá xã Cam Hiếu.	4.000.000	
1.4	KP phục vụ công tác quy hoạch	2.000.000	
1.5	KP mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị	200.000	
2	Chi Quản lý Hành chính: QLNN, Đảng, UBMT và các đoàn thể:	5.121.000	
2.1	Chế độ chính sách đối với công an viên thôn theo Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh:	1.188.000	
	- UBND xã Thanh An	238.340	
	- UBND xã Cam Thủy	145.722	
	- UBND xã Cam Hiếu	160.920	
	- UBND xã Cam Tuyền	147.510	
	- UBND xã Cam Thành	183.985	
	- UBND xã Cam Chính	138.212	
	- UBND xã Cam Nghĩa	173.311	
2.2	Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo Nghị quyết 73/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh (70% ngân sách tỉnh đảm bảo)	764.000	
	- UBND xã Thanh An	105.105	
	- UBND xã Cam Thủy	95.555	
	- UBND xã Cam Hiếu	66.885	
	- UBND xã Cam Tuyền	95.550	
	- UBND xã Cam Thành	114.660	
	- UBND xã Cam Chính	85.995	
	- UBND xã Cam Nghĩa	114.660	
	- UBND thị trấn Cam Lộ	85.590	
2.3	Hỗ trợ công tác thú y, khuyến nông xã, thị trấn	329.000	
	- UBND xã Thanh An	41.125	
	- UBND xã Cam Thủy	41.125	
	- UBND xã Cam Hiếu	41.125	
	- UBND xã Cam Tuyền	41.125	
	- UBND xã Cam Thành	41.125	
	- UBND xã Cam Chính	41.125	
	- UBND xã Cam Nghĩa	41.125	
	- UBND thị trấn Cam Lộ	41.125	
2.4	Hỗ trợ tăng thêm KP hoạt động đối với các tổ chức chính trị-xã hội ở xã, thị trấn (3 triệu đồng/tổ chức)	120.000	

	- UBND xã Thanh An	15.000	
	- UBND xã Cam Thủy	15.000	
	- UBND xã Cam Hiếu	15.000	
	- UBND xã Cam Tuyền	15.000	
	- UBND xã Cam Thành	15.000	
	- UBND xã Cam Chính	15.000	
	- UBND xã Cam Nghĩa	15.000	
	- UBND thị trấn Cam Lộ	15.000	
2.5	Tiếp xúc cử tri của HĐND huyện tại các xã, thị trấn: 2 triệu đồng/xã, thị trấn	16.000	
2.6	Hoà giải cơ sở:	80.000	
	- UBND xã Thanh An	11.000	
	- UBND xã Cam Thủy	10.000	
	- UBND xã Cam Hiếu	7.000	
	- UBND xã Cam Tuyền	10.000	
	- UBND xã Cam Thành	12.000	
	- UBND xã Cam Chính	9.000	
	- UBND xã Cam Nghĩa	12.000	
	- UBND thị trấn Cam Lộ	9.000	
2.7	Hỗ trợ cài đặt phần mềm thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách.	860.000	
2.8	Hỗ trợ cài đặt phần mềm quản lý và tra soát hóa đơn đầu vào - chứng từ tự dịch vụ công.	260.000	
2.9	KP phục vụ tại Đền thờ Vua Hàm Nghi và các tướng sỹ Cần Vương, nhà tưởng niệm Nhà thơ Chế Lan Viên	400.000	
	- KP phục vụ tại Đền thờ Vua Hàm Nghi và các tướng sỹ Cần Vương	60.000	
	- KP phục vụ tại nhà tưởng niệm Nhà thơ Chế Lan Viên	20.000	
	- KP đón tiếp các đoàn khách đến thăm viếng nhà thờ và quản lý điều hành khác...	320.000	
2.10	UBND thị trấn Cam Lộ: Phụ cấp bảo vệ dân phố (30% KP cấp huyện)	94.000	
2.11	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS	200.000	
2.12	Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất trong công tác quản lý, điều hành và các nhiệm vụ XD NTM khác...	810.000	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **67** /QĐ-UBND, ngày **17** /01/2023 của UBND huyện Cam Lộ)

STT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2023	Ghi chú
A	TỔNG SỐ		16.321.000	
I	Sự nghiệp kinh tế:		11.200.000	
1	KP chỉnh trang đô thị kiên thiết thị chính xây dựng nông thôn mới	Toàn huyện	3.000.000	
2	KP đầu tư xây dựng đường vào vùng được liệu thôn Nam Hiếu xã Cam Hiếu và thôn Định Sơn xã Cam Nghĩa.	Ban QLDA đầu tư xây dựng và PTQĐ	2.000.000	
3	KP đầu tư xây dựng đường thôn An Trung xã Cam Chính và đường thôn Định Xá xã Cam Hiếu.	Ban QLDA đầu tư xây dựng và PTQĐ	4.000.000	
4	KP quy hoạch chi tiết trên địa bàn huyện	Phòng KT&HT	1.550.000	
5	KP phục vụ công tác quy hoạch	Toàn huyện	450.000	
6	KP mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị	Toàn huyện	200.000	
II	Chi Quản lý Hành chính: QLNN, Đảng, UBMT và các đoàn thể:		5.121.000	
1	Chế độ chính sách đối với công an viên thôn theo Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh:	Các xã, thị trấn	1.188.000	
	- UBND xã Thanh An		238.340	
	- UBND xã Cam Thủy		145.722	
	- UBND xã Cam Hiếu		160.920	
	- UBND xã Cam Tuyên		147.510	
	- UBND xã Cam Thành		183.985	
	- UBND xã Cam Chính		138.212	
	- UBND xã Cam Nghĩa		173.311	
2	Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo Nghị quyết 73/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh (70% ngân sách tỉnh đảm bảo)	Các xã, thị trấn	764.000	
	- UBND xã Thanh An		105.105	
	- UBND xã Cam Thủy		95.555	
	- UBND xã Cam Hiếu		66.885	
	- UBND xã Cam Tuyên		95.550	
	- UBND xã Cam Thành		114.660	
	- UBND xã Cam Chính		85.995	
	- UBND xã Cam Nghĩa		114.660	
	- UBND thị trấn Cam Lộ		85.590	
3	Hỗ trợ công tác thú y, khuyến nông xã, thị trấn	Các xã, thị trấn	329.000	

	- UBND xã Thanh An		41.125	
	- UBND xã Cam Thủy		41.125	
	- UBND xã Cam Hiếu		41.125	
	- UBND xã Cam Tuyên		41.125	
	- UBND xã Cam Thành		41.125	
	- UBND xã Cam Chính		41.125	
	- UBND xã Cam Nghĩa		41.125	
	- UBND thị trấn Cam Lộ		41.125	
4	Hỗ trợ tăng thêm KP hoạt động đối với các tổ chức chính trị-xã hội ở xã, thị trấn (3 triệu đồng/tổ chức)	Các xã, thị trấn	120.000	
	- UBND xã Thanh An		15.000	
	- UBND xã Cam Thủy		15.000	
	- UBND xã Cam Hiếu		15.000	
	- UBND xã Cam Tuyên		15.000	
	- UBND xã Cam Thành		15.000	
	- UBND xã Cam Chính		15.000	
	- UBND xã Cam Nghĩa		15.000	
	- UBND thị trấn Cam Lộ		15.000	
5	Tiếp xúc cử tri của HĐND huyện tại các xã, thị trấn: 2 triệu đồng/xã, thị trấn	Các xã, thị trấn	16.000	
6	Hoà giải cơ sở:	Các xã, thị trấn	80.000	
	- UBND xã Thanh An		11.000	
	- UBND xã Cam Thủy		10.000	
	- UBND xã Cam Hiếu		7.000	
	- UBND xã Cam Tuyên		10.000	
	- UBND xã Cam Thành		12.000	
	- UBND xã Cam Chính		9.000	
	- UBND xã Cam Nghĩa		12.000	
	- UBND thị trấn Cam Lộ		9.000	
7	Hỗ trợ cài đặt phần mềm thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách.	Toàn huyện	860.000	
8	Hỗ trợ cài đặt phần mềm quản lý và tra soát hóa đơn đầu vào - chứng từ tự dịch vụ công.		260.000	
9	KP phục vụ tại Đền thờ Vua Hàm Nghi và các tướng sỹ Cần Vương, nhà tưởng niệm Nhà thơ Chế Lan Viên		400.000	
	- KP phục vụ tại Đền thờ Vua Hàm Nghi và các tướng sỹ Cần Vương	UBND xã Cam Chính	60.000	Trong đó hợp đồng Bảo vệ: 2,5 trđ/tháng
	- KP phục vụ tại nhà tưởng niệm Nhà thơ Chế Lan Viên	UBND xã Thanh An	20.000	
	- KP đón tiếp các đoàn khách đến thăm viếng nhà thờ và quản lý điều hành khác...	Toàn huyện	320.000	
10	UBND thị trấn Cam Lộ: Phụ cấp bảo vệ dân phố (30% KP cấp huyện)	UBND thị trấn Cam Lộ	94.000	
11	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS	Phòng TC-KH	200.000	

12	Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất trong công tác quản lý, điều hành và các nhiệm vụ XD NTM khác...	Toàn huyện	810.000	
----	--	------------	---------	--

Ghi chú: Các nội dung chi trên được tính phân theo trợ cấp có mục tiêu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **67** /QĐ-UBND, ngày **17/01/2023** của UBND huyện Cam Lộ)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Cấp học	Tổng số	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an nhinh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, LN, thủy lợi, ts, dịch vụ			
A	B		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ		204.760.000,0	139.767.000,0	0	770.000	321.000	1.750.000	1.171.000	576.000	383.000	3.500.000	4.553.000	0	4.853.000	25.196.000	24.275.000	2.198.000
1	CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC		59.551.721,0	2.466.400	0	770.000	321.000	1.705.000	1.079.317	451.309	303.336	3.225.611	1.608.298	0	1.908.298	22.604.700	24.208.000	508.750,0
1	VP HĐND & UBND huyện		4.753.102,0										100.000		100.000	4.653.102		
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		1.376.589,0									100.000	715.000		715.000	561.589		
3	Phòng Nội vụ		1.751.659,0	618.775,0		40.000	30.000	5.000	5.000	5.000	5.000		137.872		137.872	855.012		50.000
4	Phòng Nông nghiệp & PTNT		815.034,0										0			815.034		
5	Phòng Lao động-TB&XH		26.674.856,0					1.700.000					0			771.856	24.203.000	
6	Phòng Tài nguyên & MT		756.579,0									280.000	0			476.579		
7	Phòng Giáo dục và Đào tạo		1.907.833,0	992.400,0									0			915.433		
8	Phòng Văn hoá TT		526.636,0										0			526.636		
9	Phòng Tư pháp		439.872,0										0			439.872		
10	Thanh tra		709.726,0			12.000							0			697.726		
11	Phòng Y tế		286.918,0										0			286.918		
12	Phòng TC-KH		1.005.874,0										0			1.005.874		
13	KP Đảng (VP Huyện uỷ)		6.218.373,0										0			6.218.373		
14	UB Mặt trận		948.430,0										0			948.430		
15	Đoàn thanh niên		491.305,0										0			491.305		
16	Hội LH Phụ nữ		618.547,0										0			618.547		
17	Hội Nông dân		684.163,0										50.000		50.000	634.163		
18	Hội Cựu chiến binh		384.848,0										0			384.848		
19	Hội Chữ thập đỏ		218.707,0										0			218.707		
20	Hội Người mù		225.846,0										0			75.096		150.750
21	Hội Người cao tuổi		84.096,0										0			75.096		9.000
22	Hội Đông y		84.096,0										0			75.096		9.000
23	Hội Từ chính trị yêu nước		84.096,0										0			75.096		9.000
24	Hội Cựu thanh niên xung phong		84.096,0										0			75.096		9.000
25	Hội Khuyến học		104.096,0										0			75.096		29.000
26	Hội Người khuyết tật, Nạn nhân da cam/dioxin và bảo trợ xã hội		144.141,0										0			110.141		34.000
27	Hội KHKT và Lâm vườn		49.051,0													40.051		9.000
28	Trung tâm Y tế cam Lộ		200.000,0															200.000
29	Ban QLDA đầu tư XD và PTQĐ		0,0										0					

STT	Tên đơn vị	Cấp học	Tổng số	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, tổ đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, LN, thủy lợi, ts, dịch vụ			
A	B		I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
		Cấp 2	4.115.569,0	4.115.569,0														
20	TH&THCS Cam Hiếu	Cấp 1	4.405.210,0	4.405.210,0														
		Cấp 2	4.080.812,0	4.080.812,0														
21	TH&THCS Cam Tuyền	Cấp 1	2.994.260,0	2.994.260,0														
		Cấp 2	4.335.580,0	4.335.580,0														
22	TH&THCS Cam Thành	Cấp 1	3.396.033,0	3.396.033,0														
		Cấp 2	4.517.890,0	4.517.890,0														
23	TH&THCS Cam Nghĩa	Cấp 1	4.739.103,0	4.739.103,0														
		Cấp 2	4.015.598,0	4.015.598,0														
24	TH&THCS Lê Thế Hiếu	Cấp 1	4.249.992,0	4.249.992,0														
		Cấp 2	3.813.103,0	3.813.103,0														
25	Trung tâm GDNN&GDTX		2.505.091,0	2.505.091,0														
III	CÁC NHIỆM VỤ CHI KHÁC NGÂN SÁCH HUYỆN		16.418.014,0	8.510.335,0	0	0	0	45.000	91.683	124.691	79.664	274.389	2.944.702	0	2.944.702	2.591.300	67.000	1.689.250
1	Chi sự nghiệp nông nghiệp		800.000,0										800.000		800.000			
2	Chi SN công nghiệp, thương mại, dịch vụ		400.000,0										400.000		400.000			
3	Sự nghiệp Khoa học công nghệ		200.000,0										200.000		200.000			
4	Chi sự nghiệp lao động việc làm		60.000,0										60.000		60.000			
5	Chi mua sắm và sửa chữa tài sản, TTB		200.000,0										200.000		200.000			
6	Vận hành lò đốt rác tập trung		0,0										0		0			
7	Dự phòng thu gom rác phát sinh		100.000,0									100.000	0		0			
8	KP thực hiện các chính sách phát triển giáo dục mầm non(hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3- 5t; GV ghép lớp, nấu ăn cho trẻ...)		230.000,0	230.000,0									0		0			
9	KP hỗ trợ HSKT theo TTLT số 42/2013/TTLT		225.000,0	225.000,0									0		0			
10	KP hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí		365.000,0	365.000,0														
11	KP bồi dưỡng học sinh giỏi (Trường THCS Trần Hưng Đạo)		250.000,0	250.000,0														
12	KP mua sắm trang thiết bị đầy và học		4.000.000,0	4.000.000,0														
13	Dự phòng năng lương, giáo viên chuyển đi chuyển đến và các nhiệm vụ khác		1.173.335,0	1.173.335,0									0		0			

STT	Tên đơn vị	Cấp học	Tổng số	Chi Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
														Chi giao thông	Chi nông nghiệp, LN, thủy lợi, ts, dịch vụ			
A	B		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	Vốn đối ứng các Chương trình MTQG 2023: Dân tộc và miền núi; giảm nghèo bền vững		400.000,0												400.000			
15	KP phục vụ kỷ niệm 50 năm thành lập Khu Chính phủ CMLTCHMNVN và các nhiệm vụ khác trong công tác quản lý, điều hành.		1.146.000,0													1.146.000		
16	Các nhiệm vụ chi hoạt động khác		3.295.679,0					40.000	40.683	99.691	51.664	174.389	484.702		484.702	810.300		1.594.250
17	<i>Chi cải cách tiền lương và chính sách an sinh xã hội</i>		3.573.000,0	2.267.000,0				5.000	51.000	25.000	28.000		400.000		400.000	635.000	67.000	95.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ TOÁN THU CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KHỐI HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **67** /QĐ-UBND ngày **17**/01/2023 của UBND huyện Cam Lộ)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	Số thu được để lại đơn vị sử dụng	Nhiệm vụ chi từ nguồn thu phí, lệ phí, huy động đóng góp quản lý qua ngân sách			
			Tổng số	Chi phí (nếu có)	Chi các khoản thu phí, lệ phí (nếu có)	Nhiệm vụ chi từ nguồn thu còn lại (nếu có)
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	200.000	200.000	0	0	200.000
I/	Cấp huyện, Quận:	200.000	200.000			200.000
1	Các khoản thu, chi Văn phòng HĐND & UBND huyện (tổ giao dịch 1 cửa):	30.000	30.000			30.000
	- Thu lệ phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất	30.000	30.000			30.000
2	Các khoản thu, chi tại phòng KT&HT	170.000	170.000			170.000
	- Phí thẩm tra, thẩm định báo cáo KTKT+Dự án xây dựng đầu tư công	170.000	170.000			170.000
II/	Cấp xã, thị trấn:	0	0			0
1	Các khoản huy động đóng góp XD cơ sở hạ tầng	0	0			

DỰ TOÁN CHI TỪ NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI 2022
(Kèm theo Quyết định số 67 /QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND huyện Cam Lộ)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Dự toán 2023	Ghi chú
A	B	1	2	3
	TỔNG CỘNG		3.000.000	
1	Chi sự nghiệp kinh tế		854.000	
1.1	Vốn đối ứng phát triển mở rộng cây an xoa nguyên liệu	UBND xã Cam Tuyên	154.000	
1.2	Vốn đối ứng các Chương trình MTQG 2023: Dân tộc và miền núi; giảm nghèo bền vững	Các cơ quan, đơn vị	400.000	
1.3	Vốn đối ứng tiêm vắc xin cho gia súc, gia cầm	Trạm thú y	300.000	
2	Chi sự nghiệp môi trường		1.000.000	
2.1	Hoạt động lò đốt rác tại bãi rác tập trung	HTX dịch vụ MT&CTĐT	1.000.000	
3	Chi sự nghiệp Hành chính: QLNN, Đảng, UBMT và các đoàn thể	Toàn huyện	1.146.000	
3.1	KP phục vụ kỷ niệm 50 năm thành lập Khu Chính phủ CMLTCHMNVN và các nhiệm vụ khác trong công tác quản lý, điều hành.	Toàn huyện	1.146.000	

Ghi chú :

